

Số: 15/2020/QĐST-DS

*Thuận An, ngày 15 tháng 5 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 134/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2018 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự :**

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Trung H sinh năm 1945 (chết ngày 21/11/2019)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H gồm: Chung Hồng S, sinh năm 1950; Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1965; Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1968; Nguyễn Trung N, sinh năm 1970; Nguyễn Thị Ngọc X, sinh năm 1974; Nguyễn Trung N1, sinh năm 1976; Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 1978 và Nguyễn Trung T, sinh năm 1982; cùng trú tại: 77/1 khu phố B, phường A, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc A1, sinh năm 1995; trú tại: Số 230 đường GS.01 khu phố N, phường D, thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương.

**2. Bị đơn:**

2.1 Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1954;

2.2 Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959;

2.3 Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1964;

Cùng trú tại: 187 đường Cách Mạng Tháng Tám, khu phố A1, phường A, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn: Bà Võ Ngọc Kiều O, sinh năm 1980; trú cùng địa chỉ bị đơn.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Bà Phan Ánh T1, sinh năm 1965; trú tại: 99A khu phố B, phường N, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3.2 Bà Phan Ánh H, sinh năm 1967; trú tại: 119/1A khu phố B, phường A, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3.3. Ông Châu Tuấn A2, sinh năm 1970;

3.4. Ông Châu Tuấn D1 sinh năm 1972;

Cùng trú tại: 187 khu phố A1, phường A, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà H, ông A2 Bà Phan Ánh T, sinh năm 1965.

3.5 Bà Nguyễn Kim C, sinh năm 1975; trú tại: 384/3A khu phố B, phường A, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3.6 Bà Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1977; trú tại: 76/2 khu phố 2, phường T, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3.7 Bà Nguyễn Kim T2, sinh năm 1970;

3.8. Anh Nguyễn Huy H2, sinh năm 1996;

3.9 Chị Nguyễn Hoàng Kim N2, sinh năm 2001;

Cùng trú tại: 47/5 khu phố 1, phường A, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3.10 Bà Võ Kim L, sinh năm 1956; trú tại: Số 99, khu phố H, phường Đ, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3.11 Chị Lê Thị Phương H3, sinh năm 1982;

3.12 Chị Lê Thị Phương H4, sinh năm 1984;

3.13 Anh Lê Phi H5, sinh năm 1986;

3.14 Anh Lê Phi H6, sinh năm 1988.

3.15 Chị Võ Ngọc Kiều O, sinh năm 1980;

Cùng trú tại: 187 Cách mạng tháng tám, khu phố A1, phường A, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3.16 Ông Võ Thanh B, sinh năm 1952; HKTT: 93/2 N, phường 11, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện hay: 187 Cách mạng tháng tám, khu phố A1, phường A, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương.

## **II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

1. Công nhận diện tích đất 249,7m<sup>2</sup> (trong đó có 40,1m<sup>2</sup> thuộc HLATĐB) thửa số 117, tờ bản đồ địa chính mới số 150 thuộc tờ bản đồ gốc số C322 tọa lạc tại khu phố A1, phường A, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương và tài sản gắn liền với đất gồm: Nhà ở (nhà trệt+ gác phần nhà phía trước) kết cấu khung sàn bằng bê tông cốt thép, tường xây gạch, có trần, diện tích 189,6m<sup>2</sup>, nhà tạm cột sắt mái tole, nền đất diện tích 16,8m<sup>2</sup>, nhà vệ sinh diện tích 3,8m<sup>2</sup>, 01 (một) bể nước (tường xây), 01 (một) giếng khoan, 01 (một) bàn thiên, 01 (một) bồn nước có chân bằng sắt thép hình chữ nhật, 03 (ba) điện kế chính, 02 (hai) trụ điện bằng cây tạp là di sản của Nguyễn Văn S (chết năm 1980) và bà Trương Thị T (chết năm 1991). Ông S và bà T không để lại di chúc, di sản được chia theo luật cho những người thừa kế gồm: Bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Trung T, người thừa kế của ông Nguyễn Trung H gồm: Bà Chung Hồng S, chị Nguyễn Thị Ngọc D, chị Nguyễn Thị Ngọc L, anh Nguyễn Trung N, chị Nguyễn Thị Ngọc X, anh Nguyễn Trung N, chị Nguyễn Thị Ngọc H1 và anh Nguyễn Trung T; người thừa kế của bà Nguyễn Thị E gồm: Chị Phan Ánh T1, chị Phan Ánh H2, anh Châu Tuấn A2 và anh Châu Tuấn D2; người thừa kế của ông Nguyễn Văn B gồm: Bà Nguyễn Kim T2, chị Nguyễn Kim C, chị Nguyễn Thị Kim X, anh Nguyễn Huy H2 và chị Nguyễn Hoàng Kim N2.

## **2. Về phân chia hiện vật và thanh toán giá trị tài sản thống nhất như sau:**

2.1 Bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Trung T được quyền quản lý sử dụng, định đoạt, chiếm hữu diện tích đất 249,7m<sup>2</sup> (trong đó có 40,1m<sup>2</sup> thuộc HLATĐB) thửa số 117, tờ bản đồ địa chính mới số 150 thuộc tờ bản đồ gốc số C322 tọa lạc tại khu phố A1, phường A, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương và tài sản gắn liền với đất gồm: Nhà ở (nhà trệt+ gác phần nhà phía trước) kết cấu khung sàn bằng bê tông cốt thép, tường xây gạch, có trần, diện tích 189,6m<sup>2</sup>, nhà tạm cột sắt mái tole, nền đất diện tích 16,8m<sup>2</sup>, nhà vệ sinh diện tích 3,8m<sup>2</sup>, 01 (một) bể nước (tường xây), 01 (một) giếng khoan, 01 (một) bàn thiên, 01 (một) bồn nước có chân bằng sắt thép hình chữ nhật, 03 (ba) điện kế chính, 02 (hai) trụ điện bằng cây tạp.

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

Bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Trung T có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.2 Bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Trung T có trách nhiệm thanh toán lại cho những người thừa kế của ông Nguyễn Trung H gồm bà Chung Hồng S, chị Nguyễn Thị Ngọc D, chị Nguyễn Thị Ngọc L, anh Nguyễn Trung N, chị Nguyễn Thị Ngọc X, anh Nguyễn Trung N1, chị Nguyễn Thị Ngọc H1 và anh Nguyễn Trung T giá trị kỷ phần được chia số tiền là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). *Đã thực hiện xong.*

2.3 Bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Trung T có trách nhiệm thanh toán lại cho những người thừa kế của bà Nguyễn Thị E gồm: Chị Phan Ánh T1, chị Phan Ánh H, anh Châu Tuấn A và anh Châu Tuấn D giá trị kỷ phần được chia số tiền là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). *Đã thực hiện xong.*

2.4 Bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Trung T có trách nhiệm thanh toán lại cho người thừa kế của ông Nguyễn Văn B gồm: Chị Nguyễn Kim C, chị Nguyễn Thị Kim X giá trị kỷ phần được chia số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). *Đã thực hiện xong.*

2.5 Ghi nhận sự tự nguyện của những người thừa kế của ông Nguyễn Văn B gồm: Bà Nguyễn Kim T2, anh Nguyễn Huy H2 và chị Nguyễn Hoàng Kim N2 về việc từ chối nhận kỷ phần được chia, đồng ý giao lại toàn bộ kỷ phần cho bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Trung T quản lý, sử dụng.

3. Về Chi phí tố tụng: Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn gồm: Bà Chung Hồng S, chị Nguyễn Thị Ngọc D, chị Nguyễn Thị Ngọc L, anh Nguyễn Trung N, chị Nguyễn Thị Ngọc X, anh Nguyễn Trung N, chị Nguyễn Thị Ngọc H1 và anh Nguyễn Trung T1 tự nguyện chịu, được khấu trừ tiền tạm ứng chi phí đã nộp.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Trung H là người cao tuổi nên được miễn nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Trung T tự nguyện chịu 81.940.000 đồng (Tám mươi một triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được chia.

- Chị Phan Ánh T1, chị Phan Ánh H, anh Châu Tuấn A1 và anh Châu Tuấn D tự nguyện chịu 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được chia.

- Chị Nguyễn Kim C, chị Nguyễn Thị Kim X tự nguyện chịu 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được chia.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**6.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Hồ Thanh Thủy**